

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100001	NGUYỄN HỒ KHÁ ÁI	10A4	
2	100002	TRẦN NHƯ AN	10A4	
3	100004	HỨA TRÍ ÂN	10A2	
4	100005	NGUYỄN HỒNG ÂN	10A4	
5	100007	LÂM NGỌC KIỀU ANH	10A1	
6	100009	LÂM THÙY ANH	10A2	
7	100010	LÊ THỊ QUỲNH ANH	10A2	
8	100011	VÕ NGUYỄN QUỐC ANH	10A2	
9	100012	LÊ NGUYỄN QUỲNH ANH	10A3	
10	100013	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	10A3	
11	100014	NGUYỄN THỊ KIM ANH	10A3	
12	100015	LÝ CHÂU ANH	10A4	
13	100016	PHAN BÁ ANH	10A5	
14	100017	LÊ VĂN ANH	10A5	
15	100018	NGUYỄN TUẤN ANH	10A6	
16	100019	VÕ LÊ DIỆU ANH	10A6	
17	100020	BÙI TRÂM ANH	10A6	
18	100024	LƯƠNG MỸ KIM ANH	10A9	
19	100025	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	10A9	
20	100026	ĐỖ NGỌC ÁNH	10A4	
21	100027	TẶNG GIA BẢO	10A2	
22	100028	VÕ HOÀNG GIA BẢO	10A3	
23	100029	LÊ HOÀNG GIA BẢO	10A5	
24	100030	LÊ PHÚC BẢO	10A5	
25	100031	NGUYỄN DƯƠNG GIA BẢO	10A9	
26	100032	NGUYỄN THÁI BẢO	10A9	
27	100033	NGUYỄN NHẬT BÌNH	10A2	
28	100034	NGUYỄN TRẦN NGUYỆT CÁT	10A5	
29	100035	TRƯƠNG NGUYỄN BẢO CHÂU	10A2	
30	100036	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	10A2	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100037	VÕ PHÚ CƯỜNG	10A4	
2	100038	LÊ HUỖNH VĨNH ĐAN	10A5	
3	100040	HUỖNH NGUYỄN HẢI ĐĂNG	10A6	
4	100043	LÊ NGUYỄN ĐẠT	10A1	
5	100044	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	10A1	
6	100045	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	10A3	
7	100046	NGUYỄN LÝ THANH ĐẠT	10A5	
8	100047	STEIGER VIỆT ĐỨC	10A3	
9	100049	NGUYỄN HOÀNG DUNG	10A1	
10	100050	NGÔ MỸ DUNG	10A5	
11	100052	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	10A9	
12	100053	HUỖNH NGUYỄN HOÀNG DUY	10A1	
13	100054	BÙI QUỐC DUY	10A2	
14	100055	HUỖNH NHẬT DUY	10A2	
15	100056	NGUYỄN KHÁNH DUY	10A3	
16	100060	HỒ NGỌC HÀ	10A1	
17	100062	PHẠM NGỌC HÀ	10A2	
18	100063	NGUYỄN NGỌC KHÁNH HÀ	10A6	
19	100065	NGÔ NGUYỄN HỒNG LONG HẢI	10A3	
20	100066	BÙI NGỌC GIA HÂN	10A1	
21	100067	HỒ NGỌC GIA HÂN	10A3	
22	100068	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	10A5	
23	100069	TRẦN LÊ NGỌC HÂN	10A6	
24	100071	PHẠM CÔNG PHÚ HÀO	10A3	
25	100072	MAI QUANG HIỀN	10A4	
26	100074	PHẠM GIA HIẾU	10A5	
27	100077	TRẦN CAO HÒA	10A3	
28	100080	DƯƠNG NGUYỄN MINH HÙNG	10A1	
29	100082	TRƯƠNG MINH HUY	10A5	
30	100086	NGUYỄN TRÚC HUỖNH	10A6	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100087	ĐỖ HOÀI KHANG	10A2	
2	100088	LÊ HOÀNG KHANG	10A2	
3	100089	TRẦN GIA KHANG	10A2	
4	100090	HỨA VÕ HOÀNG KHANG	10A3	
5	100091	NGUYỄN DUY KHANG	10A4	
6	100095	NGUYỄN HOÀNG VĨNH KHANG	10A9	
7	100098	LÊ QUỐC KHÁNH	10A3	
8	100099	ĐỖ PHONG VĂN KHÁNH	10A6	
9	100100	PHAN LÊ QUỐC KHÁNH	10A6	
10	100103	TRẦN KIM NGÂN KHÁNH	10A9	
11	100106	NGUYỄN HUỖNH ANH KHOA	10A4	
12	100107	MAI ANH KHOA	10A6	
13	100108	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG KHOA	10A6	
14	100109	PHAN ANH KHOA	10A9	
15	100110	NGUYỄN ANH KHÔI	10A1	
16	100111	HUỖNH NGỌC ANH KHÔI	10A2	
17	100112	LÝ HOÀNG KHÔI	10A2	
18	100113	LÊ NGUYỄN ANH KHÔI	10A3	
19	100114	LÝ VIỆT KHÔI	10A6	
20	100116	TRẦN HỒ TRUNG KIÊN	10A4	
21	100117	NGÔ TRUNG KIÊN	10A6	
22	100118	VÕ TUẤN KIẾT	10A4	
23	100121	BÙI NGỌC THIÊN KIM	10A9	
24	100122	QUÁCH BÙI PHƯƠNG NHẢ KỲ	10A9	
25	100123	NGUYỄN NGỌC LAM	10A5	
26	100124	NGUYỄN QUỲNH LAM	10A5	
27	100125	NGUYỄN SƠN LÂM	10A1	
28	100126	NGUYỄN THỊ HOÀNG LÊ	10A5	
29	100130	NGUYỄN HUỖNH THANH LOAN	10A4	
30	100131	NGÔ TẤN LỘC	10A2	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100133	BÙI NGỌC LỢI	10A2	
2	100134	NGÔ GIA LONG	10A1	
3	100135	TRẦN THIÊN LONG	10A1	
4	100138	NGUYỄN PHẠM NGỌC MAI	10A5	
5	100139	NÔNG TUYẾT MAI	10A6	
6	100141	PHẠM SỬ MẠNH	10A2	
7	100142	NGUYỄN NGỌC HẢI MI	10A1	
8	100143	BÙI ĐỖ QUANG MINH	10A1	
9	100144	HOÀNG TUẤN MINH	10A1	
10	100145	NGUYỄN HOÀNG MINH	10A1	
11	100146	TRẦN HOÀNG XUÂN MINH	10A4	
12	100147	VÕ HOÀNG MINH	10A4	
13	100148	PHẠM LÊ QUỐC MINH	10A6	
14	100150	TRẦN DUY MINH	10A9	
15	100151	TRƯƠNG ĐIỂM MY	10A4	
16	100152	THÁI HOÀNG MỸ	10A1	
17	100153	QUÁCH THIÊN MỸ	10A2	
18	100155	ĐINH HOÀNG NAM	10A4	
19	100156	ĐOÀN THỊ KIM NGÂN	10A1	
20	100158	ĐẶNG THỊ NGỌC NGÂN	10A3	
21	100159	NGUYỄN ĐÀO KIM NGÂN	10A4	
22	100161	LÊ NGUYỄN GIA NGHI	10A4	
23	100162	LONG NGỌC BẢO NGHI	10A5	
24	100164	NGUYỄN HIẾU NGHĨA	10A1	
25	100165	HUỖNH TRẦN KHÁNH NGỌC	10A1	
26	100168	HUỖNH NGUYỄN THANH NGỌC	10A3	
27	100169	TRẦN BẢO NGỌC	10A3	
28	100170	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	10A3	
29	100171	VÕ ÁNH NGỌC	10A3	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100172	TRẦN HUỖNH BẢO NGỌC	10A4	
2	100173	TRẦN NGUYỄN HỒNG NGỌC	10A4	
3	100174	THIỀU HUỖNH KHÁNH NGỌC	10A6	
4	100175	BÙI KHÁNH NGỌC	10A6	
5	100176	BÀNH KHÁNH NGỌC	10A9	
6	100177	NGUYỄN HOÀNG MINH NGỌC	10A9	
7	100178	TRÀ PHÚC NGỌC	10A9	
8	100179	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	10A1	
9	100180	DƯƠNG NGỌC THẢO NGUYỄN	10A3	
10	100181	NGÔ BẢO NGUYỄN	10A4	
11	100182	TRẦN KIM THẢO NGUYỄN	10A4	
12	100184	LÊ KỶ NGUYỄN	10A9	
13	100185	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	10A5	
14	100186	TRỊNH ÁNH NGUYỆT	10A6	
15	100187	NGUYỄN HIẾU NHÂN	10A1	
16	100188	LIÊU NGUYỄN BẢO NHÂN	10A2	
17	100189	NGUYỄN THIỆN NHÂN	10A2	
18	100192	TRÀM NGUYỄN PHƯƠNG NHI	10A5	
19	100199	NGUYỄN TRUNG PHÁT	10A4	
20	100200	NGUYỄN HUỖNH PHÁT	10A6	
21	100202	NGUYỄN PHAN QUỐC PHONG	10A2	
22	100203	LA HỒ THIÊN PHÚ	10A2	
23	100204	HÀ GIA PHÚ	10A6	
24	100205	TRẦN NGUYỄN MINH PHÚC	10A1	
25	100206	PHẠM THANH PHÚC	10A3	
26	100207	PHẠM HOÀNG KIM PHỤNG	10A4	
27	100209	LÊ HUỖNH PHƯƠNG	10A1	
28	100210	TỔNG KHÁNH PHƯƠNG	10A2	
29	100211	LÊ KIỀU PHƯƠNG	10A6	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **06**

Môn: **HÓA HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100213	TIÊU NGUYỄN MAI PHƯƠNG	10A9	
2	100214	LÊ PHƯƠNG PHƯƠNG	10A9	
3	100216	NGUYỄN VIỆT QUÂN	10A3	
4	100217	LÊ NGUYỄN HOÀNG TRUNG QUÂN	10A6	
5	100220	TẠ HOÀNG ĐÔNG QUÂN	10A9	
6	100221	NGUYỄN TẤN QUANG	10A1	
7	100222	THẠCH LÊ KHÁNH QUANG	10A9	
8	100223	TÔ HÁN QUỐC	10A1	
9	100224	NGUYỄN ANH QUỐC	10A6	
10	100225	TRƯƠNG THỊ KIM QUYÊN	10A5	
11	100227	HUỲNH PHƯƠNG QUYÊN	10A9	
12	100228	LÊ PHƯƠNG QUỲNH	10A1	
13	100229	PHAN NGỌC TRÚC QUỲNH	10A1	
14	100230	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	10A2	
15	100231	HUỲNH NHƯ QUỲNH	10A4	
16	100232	ĐỖ NGUYỄN TRÚC QUỲNH	10A6	
17	100233	TRẦN LINH SANG	10A6	
18	100234	NGUYỄN VI SÁNG	10A4	
19	100237	HỨA TRƯỜNG TÀI	10A1	
20	100238	VƯƠNG KHIẾT TÂM	10A1	
21	100239	NGUYỄN HOÀNG TÂM	10A3	
22	100240	BÙI VĂN THANH THÁI	10A2	
23	100241	PHAN NGỌC MINH THÁI	10A5	
24	100244	CHÂU QUANG THẮNG	10A2	
25	100245	NGUYỄN HUỲNH ĐẠI THẮNG	10A2	
26	100246	KIM PHƯỚC THÀNH	10A6	
27	100247	ĐỖ TRẦN TIẾN THÀNH	10A6	
28	100249	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	10A4	
29	100250	NGUYỄN LÊ ANH THI	10A4	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100251	VŨ ĐỨC THIỆN	10A1	
2	100252	BÀNH MINH THIỆN	10A9	
3	100253	LÝ PHƯỚC THỊNH	10A1	
4	100254	LỖ QUỐC THỊNH	10A2	
5	100255	NGUYỄN BÁ THỊNH	10A6	
6	100256	VÕ HOÀNG THƠ	10A1	
7	100257	LÊ NGỌC THƠ	10A3	
8	100258	HUỲNH THỊ ANH THƠ	10A5	
9	100260	NGUYỄN THỊ HỒNG THU	10A2	
10	100264	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	10A9	
11	100267	TRẦN NGỌC KHÁNH THY	10A3	
12	100270	NGÔ MINH TIẾN	10A3	
13	100271	NGUYỄN NGỌC TIẾN	10A4	
14	100272	ĐẶNG MINH TIẾN	10A9	
15	100273	ĐOÀN VĨNH TOÀN	10A4	
16	100275	TRƯƠNG THỊ BẢO TRÂM	10A3	
17	100277	QUÁCH NGỌC TRÂM	10A9	
18	100280	PHAN LÊ MINH TRÂN	10A9	
19	100281	LÊ TRẦN NAM TRÂN	10A9	
20	100283	LÊ NGỌC TRANG	10A4	
21	100284	DƯƠNG LÊ NGỌC TRANG	10A5	
22	100285	SƠN NGUYỄN HỮU TRÍ	10A3	
23	100288	NGUYỄN MINH TRIẾT	10A4	
24	100289	PHẠM QUỐC TRIỆU	10A1	
25	100290	VÕ HUÊ PHÚ TRỌNG	10A3	
26	100291	LÊ PHÚ TRỌNG	10A6	
27	100293	LÊ THỊ THANH TRÚC	10A2	
28	100294	LA NGỌC TRÚC	10A4	
29	100295	NGUYỄN THANH TRÚC	10A9	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG

KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **08**

Môn: **HÓA HỌC**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100296	ÔNG TÒNG TRƯỞNG	10A5	
2	100298	TRẦN ANH TUẤN	10A3	
3	100299	ĐỖ ĐẶNG THIÊN TƯỜNG	10A6	
4	100300	LÝ LÊ KIM TUYỀN	10A3	
5	100301	PHAN THANH TUYỀN	10A6	
6	100302	CHÂU NGUYỄN HOÀNG UYÊN	10A1	
7	100303	ĐỖ HOÀNG NHÃ UYÊN	10A9	
8	100304	TRƯƠNG MỸ VĂN	10A3	
9	100309	NGUYỄN HUỲNH THẢO VY	10A2	
10	100310	PHAN YẾN VY	10A3	
11	100311	TRẦN NGỌC VY	10A3	
12	100312	NGUYỄN QUỲNH VY	10A4	
13	100313	TRỊNH THÚY VY	10A5	
14	100314	PHẠM LÊ THẢO VY	10A6	
15	100315	PHẠM NGỌC LAN VY	10A6	
16	100317	NGUYỄN BÙI THÚY VY	10A9	
17	100318	DIỆP TƯỜNG VY	10A9	
18	100319	TÁT THỊ TƯỜNG VY	10A9	
19	100320	LÊ VŨ UYÊN VY	10A9	
20	100321	NGUYỄN THANH XUÂN	10A2	
21	100322	NGUYỄN THỊ HỒNG XUÂN	10A6	
22	100323	NGUYỄN ÁI XUÂN	10A9	
23	100324	TÔ THANH XUÂN	10A9	
24	100325	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	10A3	
25	100326	TRẦN NGỌC NHƯ Ý	10A3	
26	100327	LÊ HOÀNG YẾN	10A2	
27	100328	VĂN NGÔ BẢO YẾN	10A5	
28	100329	NGUYỄN TRANG PHI YẾN	10A5	
29	100330	TRƯƠNG NGỌC YẾN	10A9	